

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.927.139.090.633</b>	<b>1.949.073.848.510</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>13.579.375.526</b>	<b>50.493.258.886</b>
1. Tiền	13.579.375.526	50.493.258.886
2. Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>926.605.184.961</b>	<b>1.024.822.468.297</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	912.805.010.662	957.037.332.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.158.421.706	21.803.253.328
3. Phải thu ngắn hạn khác	34.214.903.512	70.943.454.859
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.573.150.918)	(24.961.572.180)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>964.236.615.534</b>	<b>860.259.783.505</b>
1. Hàng tồn kho	969.335.573.347	864.656.693.422
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.098.957.813)	(4.396.909.917)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>22.717.914.613</b>	<b>13.498.337.822</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.008.730.596	1.887.324.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	19.722.127.318	11.602.759.913
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	987.056.699	8.253.184
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>203.555.392.270</b>	<b>211.934.844.317</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>650.000.000</b>	<b>1.662.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	650.000.000	1.662.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>164.393.311.881</b>	<b>174.770.531.716</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	84.999.515.746	93.216.873.407
Nguyên giá	196.441.511.567	198.145.485.999
Giá trị hao mòn lũy kế	(111.441.995.821)	(104.928.612.592)
2. Tài sản cố định vô hình	79.393.796.135	81.553.658.309
Nguyên giá	98.336.207.145	98.342.401.295
Giá trị hao mòn lũy kế	(18.942.411.010)	(16.788.742.986)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>4.426.914.596</b>	<b>270.000.001</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.426.914.596	270.000.001
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>33.794.259.808</b>	<b>34.519.918.112</b>
1. Đầu tư vào công ty con	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	4.321.775.085	5.047.433.389
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.472.484.723	29.472.484.723
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>290.905.985</b>	<b>712.394.488</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	290.905.985	712.394.488
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.130.694.482.903</b>	<b>2.161.008.692.827</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

NGUỒN VỐN	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.917.082.477.882</b>	<b>1.957.396.081.115</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.857.871.491.100</b>	<b>1.898.147.861.423</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	968.501.766.699	1.075.393.567.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.632.272.464	27.944.900.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.946.797.703	1.515.282.113
4. Phải trả người lao động	2.708.758.214	6.629.222.766
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	910.112.733	2.094.054.880
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	49.643.929	49.643.929
7. Phải trả ngắn hạn khác	7.250.231.463	21.795.408.808
8. Vay ngắn hạn	859.871.907.894	762.725.780.714
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>59.210.986.782</b>	<b>59.248.219.692</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	210.986.782	248.219.692
3. Vay dài hạn	29.000.000.000	29.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>213.612.005.022</b>	<b>203.612.611.712</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>213.612.005.022</b>	<b>203.612.611.712</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	182.700.000.000	182.700.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	213.663.933	213.663.933
3. Cổ phiếu quỹ	(586.200.000)	(586.200.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.045.742.120)	(8.843.840.445)
5. Quỹ đầu tư phát triển	9.071.115.794	9.071.115.794
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.259.167.415	20.564.637.841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.460.237.841	13.567.884.950
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	13.798.929.574	6.996.752.891
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		493.234.589
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.130.694.482.903</b>	<b>2.161.008.692.827</b>

Tp. Hà Nội, Ngày 21 tháng 10 năm 2024

Người Lập

Chu Thị Bích Hồng

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận

Tổng Giám Đốc

Bùi Hữu Hiền



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Quý 3 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Đơn vị tính: VND	
			Năm 2024		Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
			Năm 2024	Năm 2023	30/09/2024	30/09/2023
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	670.639.521.796	650.965.744.071	2.242.005.472.779	2.051.490.574.273
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	3.386.221.238	4.664.648.439	6.278.892.210	20.398.853.018
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	667.253.300.558	646.301.095.631	2.235.726.580.569	2.031.091.721.254
11	Giá vốn hàng bán	23	617.975.828.162	593.474.886.888	2.074.353.116.673	1.881.434.802.075
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.277.472.396	52.826.208.743	161.373.463.896	149.656.919.179
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	5.750.592.548	3.377.560.561	18.232.781.243	24.276.022.275
22	Chi phí tài chính	24	11.343.097.855	14.936.004.923	37.377.204.065	44.434.249.804
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.634.249.372	13.989.373.056	28.675.408.222	41.543.108.077
	Phần lỗ trong công ty Liên kết		(198.451.773)	308.268.135	(725.658.304)	45.415.546
25	Chi phí bán hàng	25	26.709.528.411	27.327.446.278	82.494.910.532	80.964.600.454
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.650.387.748	9.599.687.483	37.256.487.382	28.137.320.483
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.126.599.156	4.648.898.756	21.751.984.856	20.442.186.260
31	Thu nhập khác		120.577.966	98.263.829	556.555.434	179.872.650
32	Chi phí khác		126.105.956	1.319.721.046	535.060.124	2.408.965.299
40	Lợi nhuận khác		(5.527.990)	(1.221.457.217)	21.495.310	(2.229.092.649)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.121.071.166	3.427.441.539	21.773.480.166	18.213.093.611
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	1.988.812.563	-	5.446.300.594	2.643.593.316
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.132.258.603	3.427.441.539	16.327.179.572	15.569.500.295

Tp. HCM. Ngày 21 tháng 10 năm 2024

Người Lập Biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận

Bùi Hữu Hiền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>21.773.480.166</b>	<b>18.213.093.611</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10, 11	10.642.991.524	11.060.959.565
03	Các khoản dự phòng		7.648.002.070	4.147.791.465
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.067.113.857	905.510.813
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(403.602.620)	(98.362.322)
06	Chi phí lãi vay		28.675.408.222	41.543.108.077
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>71.403.393.219</b>	<b>75.772.101.209</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		169.211.757.574	187.915.119.396
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(103.976.832.029)	(103.556.164.036)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(221.757.719.538)	(172.799.652.098)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		300.082.632	(2.310.171.526)
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.745.468.029)	(39.964.086.032)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.891.110.053)	(4.682.456.217)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(2.528.249.999)	(3.146.397.723)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(121.984.146.223)</b>	<b>(62.771.707.027)</b>
	<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		((3.562.894.929)	(3.767.745.299)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		773.586.578	94.629.630
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.804.036	42.454.337
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.764.504.315)</b>	<b>(3.630.661.332)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.853.670.260.812	1.689.203.606.266
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.756.524.133.632)	(1.626.627.219.552)
36	Cổ tức trả cổ đông	20.3	(9.104.400.000)	(12.780.994.500)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>88.041.727.180</b>	<b>49.795.392.214</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(36.706.923.359)</b>	<b>(16.606.976.145)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>50.493.258.886</b>	<b>30.556.323.557</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(206.960.002)	135.451.180
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>4</b>	<b>13.579.375.525</b>	<b>14.084.798.592</b>

Tp. HCM Ngày 21 tháng 10 năm 2024

Người Lập

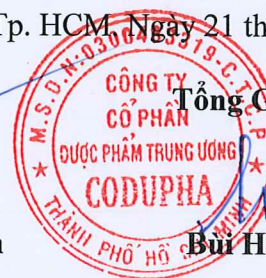
Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận

Bùi Hữu Hiền





# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010. và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2.3.4.5.6. Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành. Phường 14. Quận 10. Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam. Ngoài ra. Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 425 (31 tháng 12 năm 2023: 425).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

#### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	10 - 40
Nhà xưởng, vật kiến trúc	năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50
	năm
Phần mềm máy tính	10 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45 khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty [VND/USD] được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định [hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng] trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là [tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản/mua bán chuyển khoản trung bình] của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### **3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng khuyến khích vật chất đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

### **3.14 Ghi nhận doanh thu**



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

## **3.15 Thuế**

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý) mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty. Trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

#### 3.18 Các bên liên quan

### THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	1.203.381.331	849.519.343
Tiền gửi ngân hàng	12.375.994.195	49.643.739.543
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.579.375.526</b>	<b>50.493.258.886</b>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

##### 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ khách hàng	912.805.010.662	957.037.332.290
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>912.267.247.807</b>	<b>952.415.532.346</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.948.434.275)	(20.744.680.332)

##### 6.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
khách hàng trả trước	11.158.421.706	21.803.253.328
Các khoản trả trước khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.158.421.706</b>	<b>21.803.253.328</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(318.861.205)	(508.336.405)

##### 6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Số đầu kỳ	24.961.572.180	12.842.936.607
Dự phòng trích lập trong kỳ	7.260.664.961	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(649.086.223)	-
Số cuối kỳ	31.573.150.918	12.842.936.607

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi phạt trả chậm	1.174.202.028	-	16.235.169.910	0
Phải thu các khoản tạm ứng	3.073.837.792	-	1.325.660.262	0
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	11.388.437.303		27.797.482.028	
Ký quỹ, ký cược	2.484.865.895		1.779.218.047	
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	10.040.862.538		18.152.997.664	
Phải thu ngắn hạn khác	6.052.697.956	3.708.555.443	5.652.926.948	3.708.555.443
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.214.903.512</b>	<b>3.708.555.443</b>	<b>70.943.454.859</b>	<b>3.708.555.443</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 28)	306.985.283	-	301.403.732	0

#### 7.1 NỢ XẤU

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>38.575.570.524</b>	<b>11.855.906.072</b>	<b>43.582.330.998</b>	<b>22.837.650.666</b>
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	20.080.940.506	6.096.241.749	20.385.362.610	9.947.274.926
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	7.900.567.110	5.464.055.323	8.909.397.760	8.909.397.760
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	0	4.086.849.776	0
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	6.507.213.132	295.609.000	10.200.720.852	3.980.977.980
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.914.610.839</b>	<b>206.055.396</b>	<b>3.914.610.839</b>	<b>206.055.396</b>
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	0	2.610.867.617	0
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	0	1.303.743.222	206.055.396
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	206.055.396		
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>318.861.205</b>	<b>0</b>	<b>508.336.405</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	318.861.205	0	508.336.405	0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.809.042.568</b>	<b>12.061.961.468</b>	<b>48.005.278.242</b>	<b>23.043.706.062</b>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-		144.978.368.213	
Hàng hóa	969.335.573.347	(5.098.957.813)	719.678.325.209	(4.396.909.917)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>969.335.573.347</b>	<b>(5.098.957.813)</b>	<b>864.656.693.422</b>	<b>(4.396.909.917)</b>

#### Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Số đầu kỳ	4.396.909.917	8.548.617.873
Dự phòng trích lập trong kỳ	7.302.513.785	2.585.648.025
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(334.375.436)	
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.266.090.453)	(4.068.661.266)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.098.957.813</b>	<b>7.065.604.632</b>

#### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng	852.927.280	1.454.312.450
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	967.510.541	164.999.996
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	188.292.775	268.012.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.008.730.596</b>	<b>1.887.324.725</b>

#### Dài hạn

Tiền thuê đất trả trước		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	290.905.985	712.394.488
Chi phí khác		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>290.905.985</b>	<b>712.394.488</b>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định dùng cho quản lý	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Chuyển sang bất động sản đầu tư	101.848.728.915	52.544.556.071	40.312.400.199	3.101.379.981	338.420.833	198.145.485.999
Mua sắm mới		74.883.636	672.680.334			747.563.970
Thanh lý			(2.331.219.309)			(2.331.219.309)
Tặng giảm khác						-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(57.109.902)	(43.448.684)	(17.036.105)		(2.724.402)	(120.319.093)
<b>Ngày 30 tháng 09 năm 2024</b>	<u>101.791.619.013</u>	<u>52.575.991.023</u>	<u>38.636.825.119</u>	<u>3.101.379.981</u>	<u>335.696.431</u>	<u>196.441.511.567</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	38.642.099.810	35.270.129.878	27.715.447.873	2.962.514.198	338.420.833	104.928.612.592
Khấu hao trong kỳ	3.275.287.650	3.573.208.501	1.934.387.755	54.868.779		8.837.752.685
Thanh lý			(2.204.050.363)			(2.204.050.363)
Tặng giảm khác		113.175.208	(8.798.958)	(104.376.250)		-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(57.109.902)	(43.448.684)	(17.036.105)		(2.724.402)	(120.319.093)
<b>Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024</b>	<u>41.860.277.558</u>	<u>38.913.064.903</u>	<u>27.419.950.202</u>	<u>2.913.006.727</u>	<u>335.696.431</u>	<u>111.441.995.821</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	63.206.629.105	17.274.426.193	12.596.952.326	138.865.783	-	93.216.873.407
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	59.931.341.455	13.662.926.120	11.216.874.917	188.373.254	-	84.999.515.746



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.787.581.819	95.554.819.476	98.342.401.295
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(1.625.319)	(4.568.831)	(6.194.150)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	<b>2.785.956.500</b>	<b>95.550.250.645</b>	<b>98.336.207.145</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.257.105.481	15.531.637.505	16.788.742.986
Khấu hao trong kỳ	255.107.403	1.904.754.771	2.159.862.174
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(1.625.319)	(4.568.831)	(6.194.150)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	<b>1.510.587.565</b>	<b>17.431.823.445</b>	<b>18.942.411.010</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.530.476.338	80.023.181.971	81.553.658.309
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	<b>1.275.368.935</b>	<b>78.118.427.200</b>	<b>79.393.796.135</b>

### 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Sửa chữa văn phòng	2.760.090.995	-
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	-	99.000.001
Phần mềm nhân sự	179.000.000	-
Khác	1.487.823.600	171.000.000
	<b>4.426.914.595</b>	<b>270.000.001</b>

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (TM số 12.2)	4.321.775.085	5.047.433.389
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	29.472.484.723	29.472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.794.259.808</b>	<b>34.519.918.112</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### 13.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024				Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn góp
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	4.321.775.085		4.321.775.085	30,00%	5.047.433.389		5.047.433.389	30,00%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.321.775.085</b>	<b>-</b>	<b>4.321.775.085</b>		<b>5.047.433.389</b>		<b>5.047.433.389</b>	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024				Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn góp
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương	22.983.000.000		22.983.000.000	3,68%	22.983.000.000		22.983.000.000	3,68%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Đông Dương	6.017.000.000		6.017.000.000	3,82%	6.017.000.000		6.017.000.000	3,82%
Công ty Cổ Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	472.484.723		472.484.723	0,86%	472.484.723		472.484.723	0,86%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.472.484.723</b>	<b>-</b>	<b>29.472.484.723</b>		<b>29.472.484.723</b>		<b>29.472.484.723</b>	
	<b>33.794.259.808</b>				<b>34.519.918.112</b>			



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

#### 14.1 Phải trả người bán

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải trả cho người bán	967.477.935.991	967.477.935.991	1.074.208.305.965	1.074.208.305.965
- Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	266.643.161.716	266.643.161.716	289.484.276.110	289.484.276.110
- Phải trả đối tượng khác	700.834.774.275	700.834.774.275	784.724.029.855	784.724.029.855
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.023.830.708	1.023.830.708	1.185.261.712	1.185.261.712
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>968.501.766.699</b>	<b>968.501.766.699</b>	<b>1.075.393.567.677</b>	<b>1.075.393.567.677</b>
<b>Dài hạn</b>				
- Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

#### 14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Người mua trả tiền trước		
- Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	9.800.590.484	15.968.616.932
- Ban Quản lý Dự án 1 Tỉnh Sóc Trăng		3.479.000.000
- Công ty TNHH TM Dược Zeta Health	2.023.789.650	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Và Khu vực Phát triển Đô thị Tỉnh An Giang		2.261.533.002
- Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược		566.103.600
Ban quản lý Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Trà Vinh	1.872.839.020	
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhãn khoa Sài Gòn	957.837.047	1.726.264.499
- Người mua khác trả tiền trước	1.977.216.263	3.943.382.503
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 28)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.632.272.464</b>	<b>27.944.900.536</b>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU - PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 9 năm 2024	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa			118.852.960.227	(118.356.790.937)	(492.582.134)		3.587.156
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			38.753.342.939		(39.740.399.638)	(987.056.699)	
Thuế xuất nhập khẩu		3.137.587	3.368.722.280		(3.368.722.280)		3.137.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.301.434.244	5.429.198.220	-	(4.891.110.053)	-	1.839.522.411
Thuế thu nhập cá nhân		210.710.282	623.855.690		(754.734.386)		79.831.586
Tiền thuế đất, thuế nhà đất			-		-		-
Các khoản khác phải nộp khác	(8.253.184)		34.718.963		(5.746.816)		20.718.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(8.253.184)</b>	<b>1.515.282.113</b>	<b>167.062.798.319</b>	<b>(118.356.790.937)</b>	<b>(49.253.295.307)</b>	<b>(987.056.699)</b>	<b>1.946.797.703</b>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	405.140.073	1.475.199.880
Chi phí thưởng kinh doanh		
Chi phí phải trả khác	504.972.660	618.855.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>910.112.733</b>	<b>2.094.054.880</b>

#### 17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cổ tức	58.479.476	40.524.476
Phải trả hàng ủy thác	3.520.878.228	11.590.768.871
Phải trả từ hỗ trợ bán hàng		3.080.700.002
Các khoản ký cược ký quỹ	756.202.286	1.037.156.772
Phải trả khác	2.914.671.473	6.046.258.687
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.250.231.463</b>	<b>21.795.408.808</b>

#### 18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Số đầu kỳ	-	1.373.093.026
Trích lập quỹ trong kỳ	2.528.249.999	1.980.000.000
Tăng, giảm khác		
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.528.249.999)	(3.105.897.723)
Số cuối kỳ	-	<b>247.195.303</b>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.1)	756.326.604.712	756.326.604.712	1.853.670.260.812	(1.750.721.957.632)	859.274.907.892	859.274.907.892
Vay cá nhân (Thuyết minh 19.2)	1.772.000.002	1.772.000.002		(1.175.000.000)	597.000.002	597.000.002
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19.3)	4.627.176.000	4.627.176.000		(4.627.176.000)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>762.725.780.714</b>	<b>762.725.780.714</b>	<b>1.853.670.260.812</b>	<b>(1.756.524.133.632)</b>	<b>859.871.907.894</b>	<b>859.871.907.894</b>
<b>Dài hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.3)	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh 19.3)			-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng khác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2024	Ngày đến hạn	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN HCM	472.862.541.355	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2024 đến 27 tháng 03 năm 2025	Từ 4,7 đến 5,2	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 280.000.000.000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 240.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP MSB HCM	180.115.041.264	Từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 đến 28 tháng 02 năm 2025	5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	153.991.724.258	Từ ngày 28 tháng 11 năm 2024 đến 28 tháng 02 năm 2025	4,5	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tài sản bảo đảm bằng 334.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công thương VN- HN CN CD	22.305.601.017	Từ ngày 19 tháng 12 năm 2024 đến 31 tháng 03 năm 2025	Từ 4,7 đến 4,9	Hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9- Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông - Hà Nội với tổng trị giá 62.000.000.000 VNĐ và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công thương VN- HN CN TX	30.000.000.000	Ngày 19 tháng 12 năm 2024	4,7	
<b>Tổng cộng</b>	<b>859.274.907.894</b>			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	182.700.000.000	(586.200.000)	213.663.933	-7.883.586.967	9.071.115.794	20.851.404.950	204.366.397.710
- Lợi nhuận trong kỳ						11.568.871.292	11.568.871.292
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND				(3.131.739.514)			(3.131.739.514)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi						-1.400.000.000	(1.400.000.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	182.700.000.000	(586.200.000)	213.663.933	(11.015.326.481)	9.071.115.794	31.020.276.242	211.403.529.488
<b>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	182.700.000.000	(586.200.000)	213.663.933	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
- Lợi nhuận trong kỳ						16.327.179.572	16.327.179.572
- Trả cổ tức (*)				5.798.098.325		(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND							5.798.098.325
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)						(2.528.249.998)	(2.528.249.998)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	182.700.000.000	(586.200.000)	213.663.933	(3.045.742.120)	9.071.115.794	25.259.167.415	213.612.005.022



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	121.225.000	66,35%	121.225.000	66,35%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000	18,99%	34.700.000	18,99%
Các cổ đông khác	26.775.000	14,66%	26.775.000	14,66%
	<b>182.700.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>182.700.000</b>	<b>100,00%</b>

#### 20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30
	tháng 9 năm 2024	tháng 9 năm 2023
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2023	9.104.400.000	
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022	-	5.461.756.500

#### 20.4 Cổ phiếu

	Số lượng (Cổ phiếu)	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>18.270.000</b>	<b>18.270.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	18.270.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(61.200)	(61.200)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	18.208.800	18.208.800

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### 21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	453.436	332.932
- EURO (EUR)	-	1.187
- LAK (KIP)	120.530.384	150.798.392
- BATH THÁI (THB)	57.039	61.158
2. Hàng hóa nhập ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	16.940.878.189,00	9.347.191.679,00

### 22. DOANH THU

#### 22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>2.242.005.472.779</b>	<b>2.051.490.574.273</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	2.219.176.551.135	2.031.654.134.083
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.828.921.644	19.836.440.190
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>6.278.892.210</b>	<b>20.398.853.018</b>
Giảm giá hàng bán	673.053.395	388.852.821
Chiết khấu thương mại	977.134.388	2.593.223.583
Hàng bán trả lại	4.628.704.427	17.416.776.614
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.235.726.580.569</b>	<b>2.031.091.721.254</b>

#### 22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.804.036	42.454.337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	8.004.660.320	7.675.084.529
Lãi bán hàng trả chậm	2.746.190.086	9.698.398.082
Doanh thu tài chính khác	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.457.126.801	6.860.085.327
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.232.781.243</b>	<b>24.276.022.275</b>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 23. GIÁ VỐN

	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.071.004.764.388	1.882.749.494.226
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.311.928.953	168.321.090
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.036.423.332	(1.483.013.241)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.074.353.116.673</b>	<b>1.881.434.802.075</b>

#### 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	28.675.408.222	41.543.108.077
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính		
Lỗi chênh lệch tỷ giá	8.701.795.843	2.891.141.727
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.377.204.065</b>	<b>44.434.249.804</b>

#### 25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	47.057.498.532	47.271.401.916
Chi phí nguyên vật liệu	1.671.524.638	23.700.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9.351.657.535	9.434.070.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.306.795.140	9.287.293.722
Chi phí bán hàng khác	11.107.434.687	14.948.134.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>82.494.910.532</b>	<b>80.964.600.454</b>

#### Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên	2.261.515.000	3.372.788.668
Chi phí dụng cụ quản lý	283.020.774	
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.291.333.989	1.236.641.978
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.611.578.738	(173.582.720)
Thuế, phí và lệ phí	31.262.840	92.587.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.168.619.967	16.559.177.602
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.609.156.074	7.049.707.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.256.487.382</b>	<b>28.137.320.483</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Chi phí mua hàng hóa để bán	2.071.004.764.388	1.882.749.494.226
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.671.524.638	23.700.000
Chi phí nhân công	49.319.013.532	50.644.190.584
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10.642.991.524	10.670.712.401
Chi phí trích lập dự phòng	7.648.002.070	(1.488.274.871)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.787.344.060	25.846.471.324
Chi phí bằng tiền khác	25.030.874.375	22.090.429.348
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.194.104.514.587</u></b>	<b><u>1.990.536.723.012</u></b>

#### 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

##### 27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.284.669.367	2.643.593.316
Điều chỉnh thuế TNDN trong những kỳ trước	161.631.227	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.446.300.594</u></b>	<b><u>2.643.593.316</u></b>

##### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>21.773.480.166</b>	<b>18.213.093.611</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	283.611.351	795.158.503
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	198.000.000	88.000.000
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(344.912.997)	
<b>Lợi nhuận trước thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>26.423.346.833</b>	<b>19.096.252.114</b>
Thu nhập chịu thuế 20%	26.423.346.835	19.096.252.114
Lỗ tính thuế của CDP Lào 9T 2024	(4.513.168.315)	
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>5.284.669.367</u></b>	<b><u>3.819.250.423</u></b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	161.631.227	(1.175.657.107)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>5.446.300.594</u></b>	<b><u>2.643.593.316</u></b>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Số dư phải thu phải trả

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tổng Công ty Dược Việt nam - Công ty Cổ phần	Cho thuê kho	306.985.283	301.403.732
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>306.985.283</b>	<b>301.403.732</b>

Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	986.099.722	986.099.722
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Mua hàng hóa		135.772.560
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	37.730.986	63.389.430
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.023.830.708</b>	<b>1.185.261.712</b>

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Tổng Công ty Dược Việt nam- Công ty Cổ phần	Cổ tức được chia	6.061.250.000	3.636.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức được chia	1.735.000.000	1.268.085.000
	Mua hàng hóa	188.603.336	237.747.985
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Mua hàng hóa	32.326.800	214.920.317

Thù lao của HĐQT, lương Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong kỳ:

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Ông Lê Văn Sơn	720.000.000	720.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	630.000.000	630.000.000
Bà Đinh Thị Khởi	495.000.000	540.000.000
Ông Phạm Thứ Triệu	45.000.000	45.000.000
Bà Hà Lan Anh	45.000.000	45.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	45.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.980.000.000</b>	<b>1.980.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong kỳ

	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hằng	45.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Khái	8.000.000	18.000.000
Ông Trương Chí Thiện	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	10.000.000	-
Bà Chu Thị Bích Hồng	-	210.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.000.000</b>	<b>246.000.000</b>

### 29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### Cam kết thuê hoạt động

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	14.003.466.667	26.716.581.818
Trên 1 - 5 năm	7.417.460.000	28.636.121.212
Trên 5 năm	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.420.926.667</b>	<b>55.352.703.030</b>

TP.HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận

Bùi Hữu Hiền

